

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

Số ~~473~~ /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 04 tháng 02 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung)
Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi tỉnh Nghệ An

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động và quản lý Hội;

Căn cứ Quyết định số 04/2014/QĐ - UBND ngày 14 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức ban hành kèm theo quyết định số 57/2012/QĐ - UBND ngày 10 tháng 8 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An.

Xét đề nghị của Hội Bảo trợ Người khuyết tật và Trẻ mồ côi tỉnh Nghệ An tại Tờ trình số 01/TT - HBT ngày 07/01/2016, Sở Nội vụ tại Tờ trình số 22/TTr-SNV ngày 12/01/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi tỉnh Nghệ An đã được Đại hội Đại biểu tỉnh Hội, nhiệm kỳ 2015 - 2020 thông qua ngày 28 tháng 12 năm 2015.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội; Thủ trưởng các cơ quan có liên quan, Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi tỉnh Nghệ An căn cứ Quyết định thi hành. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Nội vụ; (đề b/c)
- Chủ tịch, PCT (TT) UBND tỉnh;
- Ban Dân vận Tỉnh ủy;
- Sở Nội vụ (2b);
- Công an tỉnh Nghệ An (PA83);
- Lưu: VT, TH.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Đại

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG)
HỘI BẢO TRỢ NGƯỜI KHUYẾT TẬT VÀ TRẺ MỒ CÔI NGHỆ AN
(Phê duyệt kèm theo Quyết định số 473/QĐ-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2016
của Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi

1. Tên tiếng Việt: Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi tỉnh Nghệ An.
2. Tên tiếng Anh: The Association for the Support of Vietnamese Disabled and Orphans (viết tắt là: ASVNONA).

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

1. Hội Bảo trợ Người khuyết tật và Trẻ mồ côi Nghệ An (sau đây gọi tắt là Hội bảo trợ - HBT) là tổ chức xã hội có tính chất đặc thù tập hợp tổ chức, công dân trong tỉnh đoàn kết cùng hoạt động vì quyền và lợi ích hợp pháp của người khuyết tật và trẻ mồ côi.
2. Mục đích hoạt động của Hội nhằm đẩy mạnh trợ giúp và nâng cao chất lượng cuộc sống của người khuyết tật, trẻ mồ côi, tích cực vận động thu hút mọi năng lực của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật, giúp họ hoà nhập cộng đồng, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động, địa vị pháp lý, phạm vi hoạt động, biểu tượng và trụ sở

1. Hội tổ chức, hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng, tuân thủ pháp luật nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và theo Điều lệ Hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Hội là thành viên của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc tỉnh và là thành viên của Hội Bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi Việt Nam.

Hội chịu sự quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các Sở, ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

2. Hội được tổ chức, hoạt động theo nguyên tắc: Tự nguyện, tự quản, không vì mục đích lợi nhuận, đoàn kết, tương trợ, hợp tác, bình đẳng và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật.

3. Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, có tài khoản tại ngân hàng, kho bạc Nhà nước và có biểu tượng riêng theo quy định của pháp luật.

4. Hội hoạt động trong phạm vi tỉnh.
5. Trụ sở Hội đặt tại Thành phố Vinh.

Chương II

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 4. Chức năng

1. Hội đại diện quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên và hoạt động vì quyền và lợi ích hợp pháp của người khuyết tật, trẻ mồ côi theo quy định của pháp luật.

2. Tập hợp đoàn kết, tuyên truyền, vận động các tổ chức, công dân Việt Nam nâng cao trách nhiệm xã hội, phát huy truyền thống nhân ái của dân tộc, đùm bọc, yêu thương, giúp đỡ, tạo điều kiện và động viên người khuyết tật và trẻ mồ côi hoà nhập cộng đồng, thực hiện tốt nghĩa vụ của người công dân.

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn

1. Tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến người khuyết tật, trẻ mồ côi.

2. Tổ chức các hoạt động và vận động các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật trợ giúp người khuyết tật và trẻ mồ côi. đặc biệt là những người đang gặp khó khăn có điều kiện cải thiện đời sống vật chất và tinh thần.

3. Tham gia với các cơ quan nhà nước xây dựng, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội theo quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Tham gia chương trình, dự án, tư vấn, phân biện và giám định xã hội do cơ quan nhà nước yêu cầu theo quy định của pháp luật.

4. Mở rộng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực nhân đạo, từ thiện vì lợi ích của người khuyết tật và trẻ mồ côi trên nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau và theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia ký kết hoặc công nhận.

5. Phối hợp hoặc tổ chức các hoạt động trợ giúp người khuyết tật và trẻ mồ côi theo quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

6. Nâng cao năng lực cho hội viên và thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương III

HỘI VIÊN VÀ TÌNH NGUYỆN VIÊN

Điều 6. Hội viên chính thức

1. Công dân trong tình tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập và tham gia các hoạt động thường xuyên của Hội được Hội xem xét công nhận là hội viên cá nhân.

2. Các tổ chức trong tình tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội được Hội xem xét công nhận là hội viên tổ chức (thành viên)

Điều 7. Hội viên danh dự

1. Công dân Việt Nam tích cực đóng góp cho Hội, không có điều kiện hoạt động thường xuyên với Hội, được xem xét công nhận là hội viên danh dự của Hội.

2. Hội viên danh dự của Hội được tham gia các hoạt động của Hội nhưng không được ứng cử, đề cử, biểu quyết các công việc của Hội.

Điều 8. Quyền của hội viên chính thức

1. Được tham gia hoạt động của Hội và được cấp thẻ hội viên.

2. Được ứng cử, đề cử vào các chức danh lãnh đạo của Hội, được thảo luận và biểu quyết các công việc của Hội.

3. Được hỗ trợ theo khả năng của Hội; được bảo vệ khi các quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm theo quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

4. Đề xuất, kiến nghị với Hội về các vấn đề hội viên quan tâm theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội và quy định của pháp luật.

Điều 9. Nghĩa vụ của hội viên chính thức

1. Tham gia sinh hoạt tại một tổ chức cơ sở của Hội.

2. Chấp hành Điều lệ Hội, Nghị quyết của Đại hội cũng như các quyết định khác của Hội.

3. Tham gia các hoạt động của Hội và hoàn thành tốt nhiệm vụ được Hội phân công.

4. Đoàn kết, hợp tác với các thành viên và hội viên khác để cùng phấn đấu thực hiện tôn chỉ mục đích của Hội. Tham gia đóng góp vào việc tuyên truyền và vận động phát triển Hội.

5. Đóng hội phí cho Hội.

Điều 10. Thủ tục kết nạp, cho thôi hội viên

Ban Chấp hành quy định cụ thể về thẩm quyền, trình tự, thủ tục kết nạp, cho thôi hội viên phù hợp quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 11. Tình nguyện viên

1. Công dân Việt Nam, người nước ngoài tự nguyện tham gia với Hội chăm sóc, giúp đỡ người khuyết tật và trẻ mồ côi được công nhận là tình nguyện viên.

2. Tình nguyện viên được cung cấp thông tin về Hội, được mời tham gia các hoạt động theo Điều lệ Hội và quy định của pháp luật do Hội tổ chức.

Chương IV **TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG**

Điều 12. Tổ chức Hội

1. Ban lãnh đạo Hội làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số. Các quyết định của Đại hội, Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức (của Đại hội), ủy viên có mặt tán thành. Việc thông qua các quyết định bằng hình thức bỏ phiếu hoặc giơ tay hoặc lấy ý kiến bằng văn bản do Đại hội, Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra quyết định.

2. Tổ chức của Hội, gồm:

- a) Đại hội;
- b) Ban Chấp hành;
- c) Ban Kiểm tra
- d) Ban Thường vụ;
- d) Ban Thường trực;
- e) Văn phòng và các ban chuyên môn;
- g) Các đơn vị có tư cách pháp nhân trực thuộc;
- h) Các chi hội trực thuộc.

3. Hội hoạt động trong phạm vi địa phương có liên quan đến người khuyết tật và trẻ mồ côi được thành lập, phê duyệt điều lệ theo quy định của pháp luật, nếu tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập được Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi Nghệ An công nhận là hội viên tổ chức (Hội thành viên). Điều lệ của hội thành viên tuân thủ Điều lệ của Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi Nghệ An.

Điều 13. Đại hội

1. Đại hội đại biểu là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội. Đại hội đại biểu toàn tỉnh được tổ chức 05 (năm) năm một lần. Trong trường hợp đặc biệt khi có 2/3 (hai phần ba) số ủy viên Ban Chấp hành hoặc trên 1/2 (một phần hai) số hội viên đề nghị, Hội sẽ tổ chức Đại hội bất thường.

2. Đại hội có các nhiệm vụ sau:

- a) Thảo luận và thông qua báo cáo tổng kết nhiệm kỳ của Hội:

- b) Quyết định phương hướng, nhiệm vụ của Hội nhiệm kỳ tới;
- c) Bầu Ban Chấp hành;
- d) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ; đổi tên; chia, tách; hợp nhất, sát nhập và giải thể Hội (nếu có).
- đ) Thảo luận và quyết định những vấn đề quan trọng trong hoạt động của Hội;
- g) Thông qua báo cáo tài chính nhiệm kỳ;
- i) Biểu dương khen thưởng cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong hoạt động của Hội.

Điều 14. Ban Chấp hành

1. Ban Chấp hành là cơ quan lãnh đạo của Hội giữa 2 (hai) kỳ Đại hội. Ban Chấp hành họp thường kỳ ít nhất 01 (một) năm 01 (một) lần, họp bất thường khi cần thiết.

2. Ủy viên Ban Chấp hành Hội đương nhiên không còn là ủy viên trong các trường hợp sau đây:

- a) Không còn là đại diện của tổ chức đã cử tham gia Ban Chấp hành Hội;
- b) Không còn làm công tác Hội chuyên trách.

3. Nhiệm vụ:

- a) Tổ chức thực hiện nghị quyết của Đại hội;
- b) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác, kế hoạch tài chính hàng năm;
- c) Quyết định cơ cấu, số lượng và bầu Ban Thường vụ; quyết định thay thế, cho thôi ủy viên Ban Chấp hành; quyết định bổ sung ủy viên Ban Chấp hành Hội (số lượng bổ sung không quá 1/3 (một phần ba) số lượng ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội bầu); Bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Thư ký, Trưởng ban Kiểm tra trong số ủy viên Ban Thường vụ.
- d) Giám sát hoạt động của Ban Thường vụ. Ban Thường trực và các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội;
- đ) Triệu tập Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường của Hội;
- e) Quyết định các hình thức khen thưởng;
- g) Hướng dẫn, xem xét, quyết định thi hành kỷ luật và tư cách hội viên; xem xét việc Hội tham gia tổ chức hội khác.

Điều 15. Ban Kiểm tra

1. Ban Kiểm tra gồm: Trưởng ban, Phó trưởng ban và một số ủy viên. Ban kiểm tra họp thường kỳ giữa năm và kết thúc 01 (một) năm, họp bất thường khi

cần. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra theo nhiệm kỳ của Ban Chấp hành và có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Giám sát việc thi hành Điều lệ của Hội, nghị quyết của Đại hội và Ban Chấp hành;

b) Kiểm tra việc thu, chi tài chính và sử dụng tài sản của Hội. Xem xét và giải quyết các khiếu nại của hội viên và tố cáo đối với hội viên, bảo đảm quyền của hội viên;

c) Kiểm tra, báo cáo, đề xuất với Ban Chấp hành, Ban Thường vụ việc thi hành kỷ luật đối với hội viên.

2. Việc thay thế, bổ sung thành viên Ban Kiểm tra do Ban Chấp hành quyết định.

Điều 16. Ban Thường vụ

1. Ban Thường vụ gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Thư ký Hội và một số ủy viên;

2. Ban Thường vụ điều hành hoạt động của Hội giữa 2 (hai) kỳ họp Ban Chấp hành, chuẩn bị báo cáo kiểm điểm công tác trong các kỳ họp của Ban Chấp hành; quyết định triệu tập các cuộc họp của Ban Chấp hành.;

3. Ban Thường vụ hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành quy định phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

4. Việc thay thế, bổ sung ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định.

Điều 17. Ban Thường trực

1. Ban Thường trực gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch - Thư ký và các Phó chủ tịch kiêm chức;

2. Ban Thường trực điều hành các hoạt động của Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các hoạt động do các cơ quan có thẩm quyền giao (nếu có).

3. Tổ chức, quản lý bộ máy giúp việc ở cơ quan và các đơn vị trực thuộc.

4. Ban Thường trực Hội hoạt động theo quy chế do Ban Thường vụ Hội quy định phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 18. Chủ tịch, Chủ tịch danh dự

1. Chủ tịch đại diện pháp nhân của Hội và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hoạt động của Hội, có nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Tổ chức thực hiện công việc giữa 02 kỳ họp của Ban Chấp hành. Ban Thường vụ;

b) Chủ trì các kỳ họp, các hội nghị của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và của Hội.

2. Hội có thể có Chủ tịch danh dự là công dân Việt Nam là người có uy tín, có nhiều công lao đóng góp cho Hội, do Ban Chấp hành mời, suy tôn.

Điều 19. Các Phó Chủ tịch

Các Phó Chủ tịch do Ban Chấp hành bầu theo đề nghị của Chủ tịch. Phó Chủ tịch thực hiện một số nhiệm vụ theo sự phân công của Chủ tịch và theo Quy chế tổ chức, hoạt động của Hội.

Điều 20. Thư ký

1. Thư ký do Ban Chấp hành bầu theo đề nghị của Chủ tịch.
2. Tổ chức, điều hành công việc hàng ngày của cơ quan Hội;
3. Xây dựng các Quy chế hoạt động của Ban Thường vụ, Ban Thường trực. Quy chế tổ chức, hoạt động của Hội; Quy chế quản lý và sử dụng tài chính, tài sản của Hội;
4. Chuẩn bị các báo cáo hoạt động định kỳ, báo cáo hàng năm và nhiệm kỳ của Hội.
5. Tổ chức công tác bảo đảm phục vụ các phiên họp của Ban Chấp hành. Ban Thường vụ và Ban Thường trực Hội.

Điều 21. Văn phòng, các ban chuyên môn, tổ chức trực thuộc và chi hội

1. Văn phòng, các ban chuyên môn là bộ phận tham mưu, giúp việc để triển khai thực hiện các hoạt động của Hội. Văn phòng, các ban chuyên môn tổ chức, hoạt động theo Quy chế do Ban Thường vụ quy định phù hợp với Điều lệ Hội và quy định pháp luật. Chủ tịch Hội quyết định thành lập các ban chuyên môn, quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo văn phòng, các ban chuyên môn phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.
2. Các tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội được thành lập theo quy định của pháp luật. Ban Thường vụ quy định cụ thể về thành lập, tổ chức, hoạt động và quản lý các tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.
3. Các chi hội trực thuộc: Ở những tổ chức, địa phương có nhiều hội viên. Ban Thường trực Hội xem xét quyết định công nhận chi hội trực thuộc Hội.

Chương V

GIẢI THỂ, CHIA TÁCH, SÁP NHẬP, HỢP NHẤT VÀ ĐỔI TÊN HỘI

Điều 22. Giải thể Hội

1. Hội giải thể trong các trường hợp sau:
 - a) Không hoạt động liên tục 12 (mười hai) tháng ;

- b) Theo đề nghị của trên 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức của Hội;
- c) Theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Trình tự, thủ tục, hồ sơ giải thể Hội, việc giải quyết tài sản, tài chính khi giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 23. Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất Hội

1. Việc giải thể, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật dân sự, quy định của pháp luật về hội, quy định của pháp luật có liên quan, nghị quyết Đại hội và Điều lệ hội.

2. Trình tự, thủ tục, hồ sơ chia, tách, sáp nhập, hợp nhất Hội và việc giải quyết tài sản, tài chính khi chia, tách, sáp nhập, hợp nhất Hội thực hiện theo quy định của pháp luật về hội và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 24. Đổi tên Hội

1. Việc đổi tên Hội thực hiện theo quy định của pháp luật về hội, quy định của pháp luật có liên quan, nghị quyết của Đại hội và Điều lệ Hội.

2. Trình tự, thủ tục, hồ sơ đổi tên Hội thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương VI TÀI CHÍNH, TÀI SẢN

Điều 25. Tài chính

1. Các nguồn thu của Hội:

a) Đóng góp của các tổ chức trực thuộc Hội. Việc đóng góp do Ban Thường vụ Hội quy định phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

b) Ngân sách Nhà nước hỗ trợ các hoạt động theo quy định của pháp luật;

c) Hội phí;

d) Đóng góp ủng hộ tự nguyện của thành viên, hội viên;

d) Các nguồn vận động quyên góp gây quỹ hợp pháp của Hội theo quy định của pháp luật;

e) Tiền và hiện vật ủng hộ của các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

g) Các khoản thu hợp pháp khác.

2. Các khoản chi của Hội:

a) Chủ yếu chi các hoạt động bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi;

- b) Tuyên truyền, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Hội;
- c) Các hoạt động quản lý, tiền lương, phụ cấp của cán bộ Hội;
- d) Khen thưởng;
- đ) Các khoản chi hợp pháp khác.

Điều 26. Tài sản

Tài sản của Hội được xác định theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản

1. Tài chính, tài sản của Hội do Hội tự quản lý và sử dụng đúng mục đích, công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật và quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội và chịu sự kiểm tra, thanh tra của cơ quan có thẩm quyền.

2. Ban Thường vụ quy định cụ thể về quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội phù hợp Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Chương VII KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 27. Khen thưởng

1. Thành viên, cán bộ, hội viên, tình nguyện viên của Hội và các tổ chức, cá nhân có nhiều thành tích đóng góp cho các hoạt động Hội được Hội xét khen thưởng hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xét khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành quy định cụ thể về khen thưởng của Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 28. Xử lý vi phạm

1. Tổ chức Hội, cán bộ và hội viên vi phạm Điều lệ hoặc làm tổn hại đến uy tín, danh dự, tài sản, tài chính của Hội thì tùy theo mức độ sai phạm có thể bị phê bình, khiển trách, cảnh cáo, không công nhận tổ chức, hội viên hoặc phải bồi thường hoặc bị xử lý theo quy định của pháp luật. Hội viên vi phạm pháp luật, bị khởi tố thì bị khai trừ ngay khỏi danh sách hội viên.

2. Ban Chấp hành quy định cụ thể về xử lý vi phạm của Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi Nghệ An thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này.

Điều 30. Hiệu lực thi hành

1. Bản Điều lệ này gồm 08 (tám) Chương, 30 (ba mươi) Điều, đã được Đại hội đại biểu Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ em mồ côi Nghệ An thông qua ngày 28 tháng 12 năm 2015 và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An.

2. Căn cứ quy định của pháp luật về Hội, Ban Chấp hành có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này. /.



**DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH HỘI BẢO TRỢ NGƯỜI KHUYẾT TẬT VÀ TRẺ MÔ CÔI TỈNH NGHỆ AN
NHIỆM KỲ III (2015 - 2020)**

TT	Họ và Tên	Ngày sinh	Địa chỉ	Trình độ		Chức vụ		Đơn vị công tác
				Văn hóa	Chuyên môn	Đã qua(hoặc chuyên môn hiện nay	Hội hiện nay	
1	Nguyễn Hải Thanh	09.10.1949	P.Hung Phúc, TP Vinh	10/10	Đại học	Nguyên Phó Giám đốc Sở Lao động TB&XH	Chủ tịch	Hội Bảo trợ NKT&TMC tỉnh Nghệ An
2	Trần Anh Tươi	21.10.1949	P.Hung Bình, TP Vinh	10/10	Đại học	Nguyên Phó Giám đốc Sở Văn hóa TT&DL	Phó Chủ tịch	Hội Bảo trợ NKT&TMC tỉnh Nghệ An
3	Bùi Nguyên Kỳ	04.08.1959	Khối 3 - hồng Sơn - TP Vinh	10/10	Cử nhân KD	Phó Giám đốc Tung tâm	Thư ký	Hội Bảo trợ NKT&TMC tỉnh Nghệ An
4	Lê Đình Thủy	08.06.1952	Khối 3, P.Nghi Hương, TX Cửa Lò	10/10	Cử nhân	Giám đốc Trung tâm chính trị	Chủ tịch	Hội Bảo trợ NKT&TMC Cửa Lò
5	Lê Văn Tịch	25.02.1955	Thôn 2, Quỳnh Liên, TX Hoàng Mai	10/10	ĐH KTQ.Sự	Đội trưởng Biên phòng	Chủ tịch	Hội Bảo trợ NKT&TMC Hoàng Mai
6	Đậu Quang Hải	08.09.1945	Khối 8. Đ Trường Thi. TP Vinh	10/10	Đại học	Trưởng Phòng Dân số	Chủ tịch	Hội Bảo trợ NKT&TMC TP Vinh
7	Nguyễn Thị Trung	07.08.1954	Khối 3. TT Con Cuông	10/10	CD Sư phạm	Phó Phòng Giáo dục và Đào tạo	Chủ tịch	Hội Bảo trợ NKT&TMC Con Cuông
8	Nguyễn Đình Cán	02.10.1954	Khối 2B. TT Tân Lạc. Quý Châu	10/10	Cao đẳng	Chánh VP, Trưởng Phòng Lao động TB&XH	Chủ tịch	Hội Bảo trợ NKT&TMC Quý Châu

9	Trần Quốc Việt	06.12.1952	Khối 1, TT Thanh Chương	10\10	ĐH Kinh tế	Chủ tịch UBND	Chủ tịch	Hội Bảo trợ NKT&TMC Thanh Chương
10	Bùi Mạnh Hùng	1954	TT Quỳnh Lưu	10\10	Trung cấp	Trưởng Phòng	Chủ tịch	Hội Bảo trợ NKT&TMC Quỳnh Lưu
11	Nguyễn Xuân Chí	04.12.1951	Xóm 13 - Trảng Sơn - Đô Lương	10\10	ĐH Sư phạm	Phó Trưởng phòng	Chủ tịch	Hội Bảo trợ NKT&TMC Đô Lương
12	Hoàng Đức Liệu	01.05.1951	Khối 16 - TT Quỳnh Hợp	10\10	ĐH Sư phạm	Tổ trưởng Tổ Văn	Chủ tịch	Hội Bảo trợ NKT&TMC Quỳnh Hợp
13	Võ Duy Hoành	23.08.1949	Khối 3 - TT Tân Kỳ	10\10	ĐH Sư phạm	Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo	Chủ tịch	Hội Bảo trợ NKT&TMC Tân Kỳ
14	Phan Hồ Chương	1950	TT. Hưng Nguyên	10\10	Trung cấp	Phó ban tổ chức	Chủ tịch	Hội Bảo trợ NKT&TMC Hưng Nguyên
15	Hoàng Mạnh Toàn	16.05.1952	Xã Hồng Long - Nam Đàn	7\10	Trung cấp	Phó Chủ tịch Mặt trận	Chủ tịch	Hội Bảo trợ NKT&TMC Nam Đàn
16	Tạ Đình Hoàng	14.04.1954	Diễn Thắng - Diễn Châu	10\10	Đại học	Trưởng Ban TC.DV	Chủ tịch	Hội Bảo trợ NKT&TMC Diễn Châu
17	Phan Huy Hải	1954	P. Hòa Hiếu - Thị xã Thái Hòa	10\10	Cử nhân	Trưởng phòng	Chủ tịch	Hội Bảo trợ NKT&TMC Nghĩa Đàn
18	Huỳnh T. Hòa Bình	23.01.1955	P. Hòa Hiếu - Thị Xã Thái Hòa	10\10	ĐH Chính trị	Phó Chủ nhiệm Bảo vệ trẻ em	Chủ tịch	Hội Bảo trợ NKT&TMC Thái Hòa
19	Hoàng Công Trứ	26.08.1956	TT Yên Thành	10\10	ĐH Chính trị	Chánh VP, Phó Phòng Lao động TB&XH	P.T.Ph	Phòng LĐ TBXH Huyện Yên Thành

20	Ngô Thị Huyền	16.09.1980	Xã Tường Sơn - huyện Anh Sơn	12\12	ĐH Sư phạm	Phó Phòng Lao động TB&XH		Phòng LĐ TBXH Huyện Anh Sơn
21	Nguyễn Văn Bá	12.1956	Khối 4 - TT Quán hành - Nghi Lộc	10\10	Đại học	Trưởng phòng		Phòng Lao động TBXH huyện Nghi Lộc
22	Nguyễn Đậu Long		TT Quế Phong			Trưởng phòng		Phòng Lao động TBXH huyện Quế Phong
23	Vì Oanh	25.01.1973	Khối 3 - TT Mường Xén - Kỳ Sơn	12\12	Đại học	Trưởng Phòng Lao động TB&XH		UBND Huyện Kỳ Sơn
24	Tô Thanh Liên	10.12.1950	xã Thạch Giám - Tương Dương	10\10	Giảng viên	Chủ tịch		Chủ tịch Hội làm vườn H. Tương Dương
25	Vương Quang Minh	01.04.1972	K. Bình Phúc - Hưng Phúc - TP Vinh	12\12	ĐH Sư phạm	Ủy viên Thường vụ Tỉnh Đoàn	PCT M.trận	UBMT Tổ quốc Tỉnh
26	Trần Anh Sơn	10.06.1962	Khối 6A, P.Cửa Nam, TP Vinh	10\10	Cử nhân	Phó Chủ tịch T	P chủ tịch	Hội DN tiêu biểu Nghệ An
27	Trần Duy Ngoãn	02.01.1953	Khối 17.P.Hưng Bình - TP Vinh	10\10	ĐH Sư phạm	Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	Chủ tịch	Hội Nhà Báo Nghệ An
28	Thích nữ Diệu Nhẫn	16.05.1956	Chùa Cẩn Linh	10\10	Trung cấp PG	Ủy viên Hội đồng Trung ương Phật giáo Việt Nam		Trụ trì Chùa Cẩn Linh
29	Hoàng Quyển	26.07.1986	Chung cư Tráng An - Lê Mao	12\12	Thạc sỹ báo chí	Phó Giám đốc		Đài Phát thanh TH Nghệ An
30	Phan Bùi Hải	10.12.1968	Xóm 8 - Nghi Phú - TP Vinh	12\12	Thạc sỹ	Giám đốc	Giám đốc	Trung tâm GD-DN người khuyết tật
31	Trần Văn Tuấn		Hưng Phúc, tp Vinh	10\10	Đại học	Chu tịch Hội	Chủ tịch	Doanh nghiệp Hội Cựu chiến binh tỉnh

32	Nguyễn Xuân Phúc		T/P Vinh	10\10	Đại học	Chủ tịch HDQT- TGD	Giám đốc	CT-GDTổng công ty xây dựng Miền Trung
33	Hoàng Ngọc Châu		T/P Vinh	12\12	Đại học	Trưởng phòng	Bảo trợ	Sở Lao động TBXH tỉnh Nghệ An



**DANH SÁCH CHỦ TỊCH, CÁC PHÓ CHỦ TỊCH HỘI BẢO TRỢ NGƯỜI KHUYẾT TẬT VÀ TRẺ MỎ CÔI TỈNH NGHỆ AN
NHIỆM KỲ III (2015 - 2020)**

TT	Họ và Tên	Ngày sinh	Địa chỉ	Trình độ		Chức vụ		Đơn vị công tác
				Văn hóa	Chuyên môn	Đã qua	Hiện nay	
1	Nguyễn Hải Thanh	09.10.1949	Phường Hưng Phúc, thành phố Vinh	10\10	Đại học	Nguyên Phó Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Chủ tịch	Hội Bảo trợ NKT&TMC tỉnh Nghệ An
2	Trần Anh Tươi	21.10.1949	Phường Hưng Bình, thành phố Vinh	10\10	Đại học	Nguyên Phó Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Phó Chủ tịch- Thư ký	Hội Bảo trợ NKT&TMC tỉnh Nghệ An
3	Vương Quang Minh	01.04.1972	Phường Hưng Bình, thành phố Vinh	12\12	Đại học	Ủy viên Thường trực, Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ tỉnh	Phó Chủ tịch	UB MTTQ tỉnh
4	Trần Duy Ngoãn	2.1.1953	Phường Hưng Bình, thành phố Vinh	12\12	Đại học	Nguyên Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	Phó Chủ tịch	Hội Nhà báo tỉnh
5	Hoàng Quyền	26.7.1986	Phường Lê Mao, thành phố Vinh	12\12	Thạc sỹ	Trưởng phòng	Phó Chủ tịch	UBMT Tô quốc Tỉnh

[Handwritten signature]